

Số: /2024/NQ-HĐND Hải Dương, ngày tháng 07 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Về chính sách hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng, đất ở,  
đất nông nghiệp, đất sản xuất kinh doanh cho đồng bào  
dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ...**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số.....*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ..... tháng..... năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đất sinh hoạt  
cộng đồng, đất ở, đất nông nghiệp, đất sản xuất kinh doanh cho đồng bào dân tộc  
thiểu số trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân  
sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân  
tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số và đất ở, đất nông nghiệp, đất sản xuất kinh doanh cho cá nhân thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

a) Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết được áp dụng cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã, phường thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hải Dương theo quy định của Thủ tướng chính phủ.

b) Đối tượng áp dụng:

- Đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất sinh hoạt cộng đồng, nơi hội họp và các hoạt động khác của cộng đồng dân cư.

- Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở; không còn hoặc thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất nông nghiệp, không còn hoặc thiếu đất nông nghiệp (diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhu cầu thuê đất để sản xuất, kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ.

## **Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Hỗ trợ trực tiếp đến cộng đồng và cá nhân là người dân tộc thiểu số tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; các cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đúng mục đích.

3. Không hỗ trợ đất ở đối với trường hợp đã nhận hỗ trợ đất ở từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển nhượng, cho tặng; Các trường hợp đã có đất ở, đất nông nghiệp, đất sản xuất kinh doanh tại các tỉnh khác.

4. Giao quyền chủ động cho các địa phương, tăng cường sự tham gia của người dân trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện chính sách.

## **Điều 3. Nội dung chính sách**

1. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng:

Bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng đến từng thôn tại nơi chưa có đất sinh hoạt cộng đồng, hội họp và các hoạt động khác của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật, chính sách tại tỉnh phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng văn hóa và điều kiện thực tế của từng dân tộc, từng địa phương.

2. Hỗ trợ đất ở:

a) Trường hợp không có đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được miễn tiền sử dụng đất;

Trường hợp diện tích chuyển mục đích sử dụng mà vượt hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì phần diện tích vượt hạn mức phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và được giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp.

b) Trường hợp đã được Nhà nước giao đất ở trong hạn mức giao đất nhưng nay không còn đất thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và phải nộp tiền sử dụng đất, tiền chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật và được giảm 50% số tiền sử dụng đất, tiền chuyển mục đích sử dụng đất phải nộp;

### 3. Hỗ trợ đất nông nghiệp

a) Trường hợp không có đất nông nghiệp thì được giao đất nông nghiệp trong hạn mức không thu tiền sử dụng đất.

b) Trường hợp đã được Nhà nước giao đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nhưng nay không còn đất nông nghiệp hoặc thiếu đất nông nghiệp (diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp của địa phương) nếu có nhu cầu thì được nhà nước giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức không thu tiền sử dụng đất.

c) Trường hợp địa phương không còn quỹ đất nông nghiệp để thực hiện giao đất, thì ưu tiên giao khoán các diện tích đất địa phương đang quản lý có nguồn gốc từ nông, lâm trường. Việc bố trí đất sản xuất phải đảm bảo đất không bị tranh chấp, phải liền vùng, liền khoảnh, có khả năng canh tác và gần dân cư, thuận lợi cho dân sản xuất.

### 4. Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở:

a) Trường hợp không còn hoặc thiếu đất nông nghiệp mà Nhà nước không bố trí được quỹ đất, nếu có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất.

b) Trường hợp không còn hoặc thiếu đất nông nghiệp mà Nhà nước bố trí được quỹ đất nhưng không có nhu cầu giao tiếp đất nông nghiệp để sản xuất mà có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được cho thuê đất và được miễn 50% tiền thuê đất.

c) Trường hợp đang sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đủ diện tích theo hạn mức mà có nhu cầu thuê đất để sản xuất, kinh doanh thì được giới thiệu địa điểm thực hiện dự án, cho thuê đất và phải nộp tiền thuê đất theo quy định.

### 5. Hỗ trợ về phí, lệ phí trong quá trình thực hiện các thủ tục đất đai

Ngoài các chính sách hỗ trợ trên, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc đối tượng hỗ trợ theo Nghị quyết này còn được hỗ trợ kinh phí để thực hiện việc đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu tài sản gắn liền với đất và các chi phí khác để thực hiện chính sách về đất đai.

6. Nguồn đất, quỹ đất để thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 của Luật đất đai, đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai mà chết nhưng không có người thừa kế là đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai và đã được Nhà nước thu hồi, bồi thường tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật; đất của người sử dụng đất đã chuyển khỏi địa bàn tỉnh nơi có đất đến nơi khác sinh sống hoặc không còn nhu cầu sử dụng mà không tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người thuộc hàng thừa kế là đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai và đã được Nhà nước thu hồi, bồi thường tài sản gắn liền với đất theo quy định.

#### **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Khóa ....., kỳ họp thứ ..... thông qua ngày .... tháng ..... năm 202.. và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
  - Chính phủ;
  - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
  - Bộ Nội vụ;
  - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
  - Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
  - TT HĐND, UBND, UBMTTQ, Đoàn ĐBQH tỉnh;
  - VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
  - Lãnh đạo và CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
  - TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
  - Báo HD, Đài PT-TH tỉnh, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
  - Lưu VT.
- (để báo cáo)

**CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Hiệu**